TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2023/DS-PT
Ngày 25-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền;

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 199/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 106/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 60/2023/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Ngọc B năm 1974; địa chỉ: số C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Kim L năm 1960; địa chỉ: số H, tổ A, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Dương Thị Kim L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc B1 bày:

Bà Đào Thị Ngọc B2 bà Dương Thị Kim L2 mối quan hệ quen biết. Ngày 23/11/2019, do bà L3 vốn để làm ăn nên có gặp và hỏi vay bà B3 tiền 200.000.000 đồng thì bà B4 ý. Khi vay tiền, bà L2 viết một giấy mượn tiền với nội dung: bà L2 vay của bà B3 tiền 200.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 05 tháng tính từ ngày 23/11/2019 đến ngày 23/4/2020 (giấy mượn tiền bà L4 nhầm là 05 ngày), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền, bà B5 giữ của bà L5 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 721481 đứng tên bà Dương Thị Kim L1(đồng sở hữu với bà Dương Thị C ông Dương Hoàng C1 khi vay đến nay, bà L2 thanh toán cho bà B6 02 tháng tiền lãi với số tiền 4.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn bất cứ khoản tiền nào khác. Khi bà L6 giấy tờ nên có đến mượn lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 721481 và hứa sẽ trả tiền nợ cho bà B7 đến nay vẫn không thanh toán tiền cho bà BBà B8 nhiều lần đến nhà bà L7 tiền nhưng bà L8 trả. Nay bà B9 kiện yêu cầu bà Dương Thị Kim L9 trả cho bà B3 tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, bà B10 yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Dương Thị Kim L10 bày:

Bà L2 nghề thợ may, bà B11 khách hàng làm tóc tại tiệm tóc của em dâu của bà L11 khi bà L6 ăn thua lỗ, dọn về sinh sống tại địa chỉ ở khu phố H hiện nay thì bà B5 đến gặp bà L12 ý cho bà L13 làm ăn là ghi số đề, bà B12 cho bà L14 vốn với lãi suất 10%/tháng. Mặc dù biết việc làm này là vi phạm pháp luật nhưng do quá khó khăn nên bà L15 nhận. Bà L16 không biết cờ bạc nên khi bà L6 việc này thì liên tiếp thua lỗ dẫn đến phải vay tiếp tiền của bà B13 trả tiền nợ. Bà L2 vay của bà B04 lần, bà L8 nhớ rõ thời gian nhưng số tiền mượn mỗi lần cụ thể như sau: Lần 01 với số tiền 20.000.000 đồng; lần 02 với số tiền 30.000.000 đồng; lần 03 với số tiền 50.000.000 đồng và lần 04 với số tiền 100.000.000 đồng; tổng cộng số tiền nợ là 200.000.000 đồng. Quá trình vay, bà L2 thanh toán tiền lãi theo số nợ từng lần nhưng bà L8 nhớ số tiền bao nhiêu. Khi bà L17 mình sai lầm tin vào lời rủ rê của bà B14 chuyện vi phạm pháp luật bà L18 ngừng lại không làm nữa cũng nhưng không vay tiền của bà B15, lúc này bà B5 yêu cầu bà L4 giấy mượn tiền để chốt số tiền nợ vào ngày 23/11/2019 với số tiền nợ là 200.000.000 đồng, bà B16 lấy lãi suất 10%/tháng, vì bà B17 vay nặng lãi nên không viết lãi suất vào giấy mượn tiền. Sau khi chốt số tiền còn nợ thì có vẫn tiếp tục đóng tiền lãi cho bà B6 03 tháng với số tiền 20.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 60.000.000 đồng, bà L8 trả tiền nợ gốc. Từ đó đến nay, bà B18 lần đến nhà bà L7 tiền có dẫn theo một nhóm thanh niên tới chửi bới, đập cửa hàng rào nhà bà L19 thời có một người thanh niên kêu bà L20 tiền của người này để trả cho bà B2 thách thức bà L21 công an xử lý. Bà L2 báo đến công an phường và tất cả bị mời về trụ sở công an làm việc. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L8 đồng ý vì không còn khả năng chi trả, bà L18 đóng tiền lãi cho bà B19 nhiều rồi.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, khấu trừ số tiền lãi 8.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu bị đơn bà L22 toán số

tiền 192.000.000 đồng; bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc B20 với bị đơn Dương Thị Kim L23 với số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B21 với bị đơn Dương Thị Kim L24 việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bà Dương Thị Kim L2 trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị N B1số tiền 192.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2022, bị đơn bà Dương Thị Kim L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị Kim L25 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn bà L26 rằng bà không có vay tiền của nguyên đơn bà B22, không biết Giấy mượn tiền lập ngày 23/11/2019 và yêu cầu giám định chữ ký, dấu lăn tay, chữ viết họ tên của bên vay tiền tên Dương Thị Kim L1 tại Giấy mượn tiền ngày 23/11/2019. Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc B23 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: bị đơn bà Lkháng c nhưng không đưa ra được các chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Kim L1 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị Kim L27 rằng không biết Giấy mượn tiền lập ngày 23/11/2019 và yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu lăn tay của bà L28 Giấy mượn tiền lập ngày 23/11/2019. Hội đồng xét xử đã

tạm ngừng phiên tòa, tiến hành đối chất, giải thích về việc thu thập mẫu giám định là các tài liệu gốc có chữ ký tên của bà L29 các năm 2018, 2019 và 2020 để tiến hành thực hiện yêu cầu giám định của bà L30 thời, ban hành Thông báo về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số 14/TB-TA ngày 22/6/2023 để yêu cầu bà L31 cấp tài liệu chứng cứ bản gốc nhưng bà L8 cung cấp được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu lăn tay của bà L28 Giấy mượn tiền ngày 23/11/2019 và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Nguyên đơn bà B9 kiện yêu cầu bị đơn bà L22 toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 23/11/2019 có chữ ký, dấu lăn tay và chữ viết họ tên của bên vay tiền tên Dương Thị Kim L1. Bị đơn bà L8 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Kim L1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 23/11/2019, bà Đào Thị Ngọc B24 bà Dương Thị Kim L32 nguyện lập một giấy viết tay "giấy mượn tiền" có nội dung "tôi Dương Thị Kim L2 mượn của bà Đào Thị Ngọc B25 tiền 200.000.000 đồng, chị L14 tiền làm ăn" giấy mượn tiền không ghi lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, bà Dương Thị Kim L33 nhận có mượn của bà B26 lần với tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 10% và có trả cho bà B25 tiền lãi là 60.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi, bà B27 thừa nhận bà L34 thanh toán 02 tháng với số tiền 8.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà B28 nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện để khấu trừ số tiền bà L35 lãi vào số tiền vay, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà B là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ xác định bà L36 nợ tiền vay của bà B với số tiền 192.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/8/2023, bà Ltiếp tục trình bày cho rằng bà B29 dối nên bà L34 bị nợ tiền nhưng bà L8 cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bà B29 dối.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bà L9 có trách nhiệm trả cho bà B25 tiền vay là 192.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5] Từ những phân tích và lập luận trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Kim L1.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí phúc thẩm cho bị đơn bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Kim L1.

II. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 217, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc B20 với bị đơn Dương Thị Kim L23 với số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc B20 với bị đơn Dương Thị Kim L24 việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Bà Dương Thị Kim L2 trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị Ngọc B25 tiền 192.000.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đào Thị Ngọc B30 đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Dương Thị Kim L1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì bà L còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Đào Thị Ngọc B25 tiền 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001833 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bà Dương Thị Kim L1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Dương Thị Kim L1 được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Bùi Văn Tâm